

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 01 - 2024

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Tuyết

2. Bà Trần Thị Kim Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 341/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị M, sinh năm: 1972; nơi thường trú: tổ G, khu G, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: số F, đường T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Vũ Quang T, sinh năm: 1971; nơi thường trú: tổ G, khu G, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: Phòng 1002, Chung cư H, đường B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Chị và anh Vũ Quang T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 06/6/2003 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn chỉ một thời gian ngắn vợ chồng không còn tình cảm, giữa hai người không có sự yêu thương gắn kết gia đình. Năm 2016, chị đã cùng con trai chuyển vào Bình Dương sinh sống, làm việc và học tập. Từ đó đến nay chị và anh T sống ly thân, vợ chồng mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến đời sống của ai, không gặp gỡ, trao đổi gì về các vấn đề liên quan đến gia đình. Đến nay, bản thân chị thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị không còn tình cảm gì với anh

T, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Do đó, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: quá trình chung sống anh chị có 01 (một) con chung là cháu Vũ Quang T1, sinh ngày 19/9/2003. Cháu T1 đã thành niên và phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: chị M trình bày anh chị không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Quang T thừa nhận các nội dung chị Phạm Thị M trình bày về việc chung sống, đăng ký kết hôn, con chung là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không phải do anh T, vì từ trước đến nay anh vẫn sống đúng tính cách của mình. Năm 2016, chị M tự ý mang theo con bỏ đi khỏi nhà vào miền N sống và làm việc. Từ đó đến nay, chị M cũng không quan tâm mà mặc kệ anh muốn sống ra sao thì ra. Bản thân anh thấy thực tế vợ chồng chưa có mâu thuẫn lớn tới mức ly hôn, nên anh không đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung, tài sản chung và khoản nợ chung như chị M trình bày là đúng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị M trình bày: cuộc hôn nhân 20 năm của chị và anh T có 13 năm sống cùng nhà nhưng vợ chồng chị mỗi người có một cuộc sống riêng cả về vật chất lẫn tinh thần, không ai quan tâm tới đời sống của ai nên chị đã cùng con vào tỉnh Bình Dương sinh sống, học tập. Từ năm 2016 đến nay, anh chị không gặp nhau, không nói chuyện, không chia sẻ công việc gia đình, con cái, nhưng vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý của con nên chị cứ sống như vậy. Nhưng đến nay con đã trưởng thành, giữa chị với anh T cũng không có bất cứ sự liên hệ, chia sẻ gì với nhau, chị cũng không còn tình cảm với anh T, mối quan hệ hôn nhân giữa chị với anh T không bằng người dung ngoài xã hội. Do đó, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Anh Vũ Quang T trình bày: anh thừa nhận một số nội dung chị M trình bày tại phiên tòa là đúng, nhưng những việc diễn ra trong gia đình một phần là do tính cách của chị M quá tự cao, thường tự quyết các vấn đề trong gia đình mà không trao đổi với anh. Chị M tự ý đưa con đi khỏi nhà từ năm 2016 đến nay, không quan tâm bỏ mặc anh nhưng thỉnh thoảng anh có hỏi thăm con và gửi đồ cho chị M. Anh thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa tới mức trầm trọng, nên anh không đồng ý ly hôn với chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn anh Vũ Quang T; anh T hiện cư trú tại thành phố H, nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị M đối với anh Vũ Quang T, thấy: chị Phạm Thị M và anh Vũ Quang T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Hội đồng xét xử thấy: theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Anh T không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T và chị M đều khai nhận: từ năm 2016 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, trong suốt thời gian đó rất ít khi anh chị liên lạc với nhau, chị M ra Quảng Ninh cũng không gặp anh T, còn anh T cũng không vào Bình Dương gặp chị M, anh chị cũng không trao đổi chia sẻ với nhau về gia đình, con cái. Như vậy, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm đến đời sống của ai cả về vật chất lẫn tinh thần. Đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân của chị M và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M được ly hôn với anh T.

2.2 Về con chung: anh T và chị M có 01 (một) con chung là cháu Vũ Quang T1, sinh ngày 19/9/2003 đã thành niên và phát triển bình thường, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn chị Phạm Thị M có nghĩa vụ nộp án phí hôn ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Vũ Quang T.

2. Về án phí: chị Phạm Thị M có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000162 ngày 06 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; chị M đã nộp đủ.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND P. Bạch Đằng, TP Hạ Long;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đoàn Thị Thủy